

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST

Ngày 24 – 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hùng Em;
2. Ông Nguyễn Hữu Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hữu Có, Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Nhựt Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2026/TLST-HS ngày 12/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HS ngày 25/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐST-HS ngày 11/3/2026, đối với bị cáo:

Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982 tại An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Bùi Thị D, sinh năm 1958; có chồng (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/7/2021 bị Công an huyện C, tỉnh An Giang xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; Tạm giữ, tạm giam: không, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị D1, sinh năm 1984, địa chỉ: D, khu phố C, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng: Võ Thị X, sinh năm 1962; Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1976, cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 - 2023, bị cáo Trần Thị Thanh T và bị hại Nguyễn Hoàng N quen biết nhau, N nhiều lần mượn tiền của T nhưng không trả.

Vào khoảng 20 giờ ngày 03/7/2025, sau khi uống bia, bị cáo T điện thoại cho N đòi tiền và xảy ra cự cãi, thách thức nhau. Bị cáo T tức giận nên điều khiển xe mô tô biển số 59Y1-371.42 chạy đến nhà N2 tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, trên đường đi bị cáo nhớ lại trong cốp xe có 01 con dao Thái Lan để gọt trái cây, nên bị cáo lấy dao cắt vào túi áo. Khi để gặp N tại nhà thì xảy ra cự cãi, N dùng tay bóp cổ T, nên T dùng tay lấy dao đâm vào vùng ngực phải của N, rồi bỏ chạy, khi qua bên đò Voi L, bị cáo đã liệng con dao xuống sông, N được mọi người đưa đi cấp cứu.

- Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 59Y1-371.42; 01 quần dài, 01 cái áo.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 101/KLTTCT-TTPYĐT ngày 20/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận đối với Nguyễn Hoàng N: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của T1 là: 29%, các vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

- Tại công văn số: 593/KTHS ngày 15/12/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ: trường hợp cơ quan trung cầu không cung cấp được đối tượng giám định là con dao thì cơ quan giám định không thể giám định và kết luận được.

- Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSKV11 ngày 09/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Tháp truy tố: Trần Thị Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung). Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Thị Thanh T: 02 năm – 02 năm 06 tháng tù.

+ Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy: Trả lại cho Lê Thị D1 01 xe mô tô biển số 59Y1-371.42; Trả lại cho bị cáo T 01 bộ quần áo.

+ Về trách nhiệm dân sự: đã bồi thường xong.

+ Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng N thừa nhận có dùng tay lên cổ T, mục đích để đẩy T ra khỏi nhà chứ không có ý định bóp cổ để gây thương tích, biên bản xem xét dấu vết thân thể của bị cáo T không có thương tích.

- Lời nói sau cùng của bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo thừa nhận trong lúc tức giận đã dùng dao gây thương tích cho bị hại và thống nhất tỷ lệ tổn thương cơ thể của N là 29% theo như Kết luận giám định.

Sự thừa nhận này của bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan của vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ vụ án.

Điều 134 Bộ luật hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. *Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) *Dùng hung khí nguy hiểm;*

...

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:*

...

đ) *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.*

... ”

Xét hành vi của bị cáo là coi thường sức khỏe người khác, gây tổn thương cơ thể của bị hại 29%, nên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục và răn đe tội phạm.

[3] Tình tiết tăng nặng: không.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, có lỗi của bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, hoàn cảnh khó khăn, nên cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Với tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của các bị cáo như trên, nghĩ cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống để được giáo dục trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[7] Về vật chứng: căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô là do chị D1 đứng tên quyền sở hữu, bị cáo mượn để làm phương tiện đi lại hàng ngày, nghĩ cần giao trả.

- 01 bộ quần áo là của bị cáo, không liên quan đến vụ án, nên cần giao trả.

[8] Từ những cơ sở trên, nên chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt Trần Thị Thanh T: 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- *Xử lý vật chứng*: áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho Lê Thị D1: 01 xe mô tô biển số 59Y1-371.42, màu sơn: xanh – trắng, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe Nouvo.

+ Trả lại cho Trần Thị Thanh T 01 quần dài, ống rộng giả váy, màu đen, có chấm bi trắng, loại vải và 01 áo voan kiểu phối pha ren, phần thân áo màu đen, phần ren màu trắng. (Các vật chứng trên, hiện Phòng Thi hành án khu vực 11 theo Quyết định chuyển vật chứng số: 22/QĐ-VKS, ngày 09/01/2026).

- *Án phí sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thị Thanh T nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV 11, tỉnh Đồng Tháp;
- CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

